TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 19 - 11 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Sái Đức Trung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Viết Vĩnh

Bà Thân Thị Quyên

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; theo quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây lắp thương mại T - Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quang Đ, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ 22, đường cách mạng tháng 8, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Q, Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2018)

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Đình N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 của nguyên đơn là Công ty cổ phần xây lắp thương mại T (Sau đây gọi tắt là: Công ty T), đại diện theo pháp luật ông Dương Quang Đ; giấy ủy quyền ngày 03/12/2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công Q trình bày: Ngày 09/12/2016 đến ngày 24/01/2017, Công ty T có hợp đồng thuê nhân công xây dựng công trình Trụ sở văn phòng công ty đối với anh Dương Đình N. Theo đó, trong quá trình thi công anh N có ứng tiền của công ty và ngoài ra anh N còn vay tiền của công ty 02 lần, cụ thể: Lần 01: Ngày 09/12/2016, anh N vay 18.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 24/01/2017, anh N vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc là: 68.000.000 đồng. Nay công ty T yêu cầu anh N trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 68.000.000 đồng và không yêu cầu anh N phải trả lãi suất.

Bị đơn anh Dương Đình N trình bày: Tôi xác nhận có vay của công ty T 02 lần, cụ thể: Lần 01: Ngày 09/12/2016 tôi vay 18.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 24/01/2017 tôi vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng tôi đã vay công ty T số tiền 68.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian đó tôi có trực tiếp làm thi công công trình xây dựng cho công ty T, nhưng công ty T không thanh toán tiền công cho tôi. Nay công ty T khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 68.000.000 đồng tôi không đồng ý vì số tiền đó được trừ vào tiền công xây dựng của tôi.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh Dương Đình N trả cho công ty T tổng số tiền còn nợ là 68.000.000đ và không yêu cầu phải trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần xây lắp thương mại T khởi kiện anh Dương Đình N có địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về người đại diện theo ủy quyền của Công ty T: Theo văn bản ủy quyền lập ngày 03/12/2018 là đúng quy định. Tại phiên tòa mặc dù đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Về nội dung:

4.1 Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận anh N có vay của công ty T số tiền 68.000.000đồng, vay 02 lần, cụ thể: ngày 09/12/2016 anh N vay 18.000.000 đồng, ngày 24/01/2017 anh N vay 50.000.000 đồng (nội dung cho vay tiền trừ vào tiền nhân công xây nhà khi có biên bản nghiệm thu. Khi chưa hoàn thành theo hợp đồng sẽ phải hoàn trả lại tiền vào 25/3/2017). Các bên không lập hợp đồng nhưng có phiếu chi và cụ thể trong nội dung phiếu chi cũng thể hiện ngoài việc ứng tiền nhân công xây dựng thì anh N còn vay tiền của công ty.

4.2 Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Ngày 09/12/2016 đến ngày 24/01/2017 công ty T có hợp đồng thuê anh Dương Đình N xây dựng công trình Trụ sở văn phòng công ty. Theo đó, trong quá trình thi công anh N có ứng tiền của công ty và ngoài ra anh N có vay tiền của công ty 02 lần. Cụ thể: Ngày 09/12/2016 anh N vay 18.000.000 đồng, ngày 24/01/2017 anh N vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng 68.000.000 đồng. Công ty T đã đòi anh N nhiều lần nhưng không trả. Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay và đã giao tiền tuy nhiên anh N không thực hiện nghĩa vụ của bên vay là vi phạm. Nay công ty T khởi kiện yêu cầu anh Dương Đình N phải trả số tiền đã vay là 68.000.000đ nêu trên là có căn cứ và được chấp nhận toàn bộ.

4.3 Xét yêu cầu của bị đơn thấy: Anh N xác nhận có vay của công ty T số tiền là 68.000.000đồng, vay 02 lần, cụ thể: ngày 09/12/2016 vay 18.000.000đồng và ngày 24/01/2017 vay 50.000.000đồng. Tuy nhiên, anh N cho rằng trong thời gian đó anh trực tiếp thi công xây dựng công trình cho công ty T (có hợp đồng xây dựng), nhưng công ty không thanh toán tiền thi công cho anh. Nay anh không đồng ý trả 68.000.000đồng, vì anh đã trừ số tiền đó vào tiền thi công xây dựng, nhưng anh không có chứng cứ để chứng minh về nội dung cho vay tiền trừ vào tiền nhân công xây nhà khi có biên bản nghiệm thu. Khi chưa hoàn thành theo hợp đồng sẽ phải hoàn trả lại tiền vào 25/3/2017.

4.4 Việc anh N không thanh toán trả tiền đã vay cho công ty T là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nay anh xác nhận số tiền đã vay còn nợ của nguyên đơn nhưng không nhất trí trả và cho rằng đã trừ số tiền đó vào công xây dựng là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N. Buộc anh N phải trả cho công ty T tổng số tiền đã vay là 68.000.000 đồng.

4.5 Còn về việc anh N cho rằng công ty T còn nợ anh số tiền thi công xây dựng anh có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất: Công ty T không yêu cầu anh Dương Đình N phải trả lãi suất đối với khoản nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều

26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Dương Đình N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: 68.000.000 đ x 5% = 3.400.000đ. Hoàn trả lại công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây lắp thương mại T.

2. Buộc anh Dương Đình N phải có trách nhiệm trả số tiền vay nợ gốc là: 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) cho Công ty cổ phần xây lắp thương mại T- Người đại diện theo pháp luật ông Dương Quang Đ, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Tổ 22, đường cách mạng tháng 8, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Về lãi suất: Anh Dương Đình N không phải trả lãi do Công ty cổ phần xây lắp thương mại T không yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Đình N phải chịu 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Công ty cổ phần xây lắp thương mại T, đại diện theo pháp luật ông Dương Quang Đ được hoàn lại số tiền 1.700.000đ (Một triệu bẩy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số 0000809 này 30 tháng 5 năm 2019.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Sái Đức Trung

ÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BèNH
TỈNH THÁI NGUYấN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản ỏn số: /2017/HNGD.
Ngày 30 tháng 8 năm 2017
Về việc: *Tranh chấp HĐMBTS*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Minh Lý** - Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Bà Nguyễn Thị Nam

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình.

Đại diện VKSND huyện Phú Bình tham gia phiên tòa : Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Hữu, sinh năm 1973
Địa chỉ: Xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
(cú mặt tại phiờn tũa)

Bị đơn: Chị Lê Thị Hằng, sinh năm 1987
Địa chỉ: Xóm Hóa, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
(cú mặt tại phiờn tũa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quỏ trỡnh điều tra và tại phiên tào nguyên đơn là anh Trần Văn Hữu trình bày: Anh có mở tiệm kinh doanh bỏn sơn tại xóm Đồng Tiến, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Vào năm 2011 chị Lê Thị Hằng có đến cửa hàng của anh đặt vấn đề mua sơn để về sơn nhà. Ngoài mua sơn chị Hằng còn đặt vấn đề thuê anh sơn nhà cho chị, hai bên thống nhất sau khi sơn nhà xong chị Hằng sẽ thanh toán tiền sơn và tiền công sơn. Theo thỏa thuận anh đã bán cho chị Hằng tổng số sơn có giá trị là 52.575.000 đồng và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Thế nhưng sau khi sơn nhà xong anh Hữu yêu cầu chị Hằng thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà nhưng chị Hằng không trả, mà cứ khất hết lần này đến lần khác; anh đó đến đũi nhiều lần nhưng chị Hằng không thanh toán trả cho anh. Nay anh Hữu yêu cầu chị Hằng phải trả anh toàn bộ số tiền mua sơn còn nợ và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Anh Hữu không yêu cầu chị Hằng phải trả lãi.

Bị đơn Lê Thị Hằng trình bày: Vào năm 2011 chị xây ngôi nhà ở 3 tầng và có nhu cầu sơn nhà. Chị có giao dịch thỏa thuận mua sơn của anh Trần Văn Hữu. Ngoài việc thỏa thuận mua sơn, hai bên có thỏa thuận chị thuê anh Hữu sơn nhà cho chị và anh Hữu có cung cấp sơn và thuê người đến sơn nhà cho chị. Chị xác nhận tổng số tiền sơn đến nay chị còn nợ anh Hữu là 52.575.000 đồng, tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền chị còn nợ anh Hữu là: 62.575.000 đồng. Chị cam kết sẽ có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho anh Hữu, nhưng vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị rất khó khăn, bản thân chị sắp đến ngày sinh con nên chị xin anh Hữu cho chị được khất thêm vài năm nữa, sau khi con chị lớn chị sẽ thu xếp trả.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án Dân sự quy định tại khỏan 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của tũa ỏn nhõn dõn huyện Phỳ Bỡnh, tỉnh Thỏi Nguyờn.

[1] **Về nội dung:**

Năm 2011giữa anh Trần Văn Hữu và chị Lê Thị Hằng đã thỏa thuận hợp đồng mua bán sơn và sơn nhà đây là hợp đồng mua bán và dịch vụ quy định tại Điều 430 và Điều 513 BLDS.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thỡ thấy: Năm 2011 anh Hữu có hợp đồng bằng miệng với chị Hằng về việc mua bán sơn và sơn nhà. Theo thỏa thuận anh Hữu đó bỏn cho chị Hằng sơn để sơn nhà với tổng số tiền là 52.575.000 đồng tiền sơn và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng; anh Hữu đó thực hiện nghĩa vụ giao sơn và sơn nhà cho chị Hằng, nhưng chị Hằng không thực hiện nghĩa vụ

thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của bên mua. Nay anh Hữu khởi kiện chị Hằng yêu cầu thanh toán số tiền sơn và tiền công sơn nhà là 62.575.000 đồng. Chứng cứ anh Hữu xuất trỡnh là 01 giấy nhận nợ của chị Lờ Thị Hằng.

Điều 440 Bộ luật dân sự có quy định về nghĩa vụ trả tiền như sau:

1.Bờn mua cú nghĩa vụ thanh toỏn theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thỡ thời hạn thanh toỏn tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toỏn tiền thỡ bờn mua phải thanh toỏn tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thỡ phải trả lói trờn số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 513 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng dịch vụ như sau:

Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ.

Do vậy, cần chấp nhận yờu cầu của anh Hữu, cần buộc chị Hằng thanh toỏn trả cho anh Hữu số tiền cũn nợ trờn.

Xét yêu cầu của bị đơn chị Lê Thị Hằng thỡ thấy: chị Hằng xác nhận đã mua sơn của anh Hữu và thuê anh Hữu sơn nhà từ năm 2011, đến nay chị vẫn chưa trả anh Hữu khoản tiền nào, vì hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, hiện nay chị sắp sinh con nên không thể trả tiền ngay cho anh Hữu được. Bản thân chị cũng không thể xác định được đến khi nào mới có thể trả tiền cho anh Hữu, chị đề nghị anh Hữu để cho chị sinh con xong khi nào con chị lớn, chị đi làm sẽ trả dần cho anh Hữu. anh Hữu không nhất trí. Việc chị Hằng không thanh toán tiền sơn và tiền công sơn nhà cho anh Hữu là đó vi phạm nghĩa vụ của bờn mua tài sản, nay chị xỏc nhận số tiền cũn nợ của anh Hữu nhưng không xác định được thời gian thanh toán nợ là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, buộc chị Hằng phải thanh toán trả cho anh Hữu số tiền là 62.575.000 đồng và khụng phải trả lói do anh Hữu khụng yờu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hằng phải nộp tiền án phí DSST sung quỹ Nhà nước. Anh Hữu được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đó nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 513 ,519; khoản 2 Điều 468; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Hữu đối với chị Lê Thị Hằng.

2. Buộc chị Lê Thị Hằng phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Trần Văn Hữu số tiền mua tài sản là 52.575.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) và tiền công sơn nhà là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tổng cộng chị Hằng phải trả cho anh Hữu số tiền là: **62.575.000 đồng** *(Sáu mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng)*. Chị Hằng khụng phải trả lói do anh Hữu khụng yờu cầu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hữu có đơn yêu cầu thi hành ỏn, nếu chị Hằng không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về án phí dõn sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hằng phải nộp 3.128.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Anh Trần Văn Hữu được hoàn số tiền 1.314.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình theo biên lai thu 0000158 ngày 27/7/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho Anh Hữu, chị Hằng biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý